TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 577/2022/DS-PT
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1416/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1952; Cư trú: G C D, 4077 QLD, Australia; Tạm trú: đường B, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1982, tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2010. (có mặt)

Địa chỉ cũ của ông V theo giấy ủy quyền ngày 11/10/2010: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (Địa chỉ liên lạc: đường S, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc hiện nay: Văn phòng Luật sư N – Bình Dương, quốc lộ 13, tổ 13, khu phố 2, phường M, thị xã B2, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:*

1/. Ông Lý Ngọc Kh, sinh năm 1962. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1959. (có mặt)

Cùng cư trú: lầu 10, Cao ốc P, đường C, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường Ng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Lý Ngọc Th, sinh năm 1981.

Cư trú: G C D 4077 QLD, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th có ông Nguyễn Hồng V sinh năm 1982 theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/02/2017, Cư trú: đường Ph, Phường 6, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ liên lạc hiện nay: Văn phòng Luật sư N – Bình Dương, quốc lộ 13, tổ 13, khu phố 2, phường M, thị xã B2, tỉnh Bình Dương.

2/. Hộ ông Nguyễn Công Th1, gồm:

2.1/. Ông Nguyễn Công Th1, sinh năm 1963. (vắng mặt)

2.2/. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1964. (vắng mặt)

2.3/. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989. (vắng mặt)

2.4/. Ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1989. (vắng mặt)

2.5/. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 71 khóm B4, phường B5, Thành phố L, tỉnh An Giang.

3/. Hộ ông Nguyễn Ngọc T, gồm:

3.1/. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.2/. Bà Lưu Thị Loan Ph, sinh năm 1976. (vắng mặt)

3.3/. Chị Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 71 khóm B4, phường B5, Thành phố L, tỉnh An Giang.

4/. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lý Văn D, gồm:

4.1/. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1918. (vắng mặt)

Cư trú: Khóm B4, phường B5, Thành phố L, tỉnh An Giang.

4.2/. Ông Lý Công Kh1, sinh năm 1942. (vắng mặt)

Cư trú: khóm B4, phường B5, thành phố L, An Giang.

4.3/. Bà Lý Thị Hồng H, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Cư trú: khóm B4, phường B5, thành phố L, tỉnh An Giang.

4.4/. Bà Lý Thị Lan Th2, sinh năm 1946. (vắng mặt)

Cư trú: W St R, NSW 2210 Australia.

4.5/. Bà Lý Thị Thanh H1, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Cư trú: W St.R, NSW 2210, Australia.

4.6/. Bà Lý Thị Thanh Th3, sinh năm 1951. (vắng mặt)

Cư trú: đường Ng1, Phường 11, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Ủy ban nhân dân Thành phố L

Cư trú: đường Tr, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố L là ông Phạm Văn T, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền số 1739/UBND-NC ngày 02/11/2012). (vắng mặt)

6/. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn Th2:

6.1/. Ông Lý Duy T (vắng mặt)

Cư trú: St.Apt 522 S CA 94102, USA.

6.2/. Bà Lý Thị Hoàng O (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Đường L1, khóm 9, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

7/. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lý Thị T:

7.1/. Bà Nguyễn Thị H2 (vắng mặt)

Cư trú: tổ 73, phường B5, thành phố L, tỉnh An Giang.

7.2/. Bà Nguyễn Thị N (vắng mặt)

Cư trú: đường T2, khóm B6, phường M1, thành phố L, tỉnh An Giang.

7.3/. Bà Nguyễn Thị Ngọc L (vắng mặt)

Cư trú: ấp M2, xã Nh, huyện Ch, tỉnh An Giang.

7.4/. Bà Nguyễn Thị Kim A (vắng mặt)

Cư trú: khóm B7, phường B8, thành phố L, tỉnh An Giang.

8/. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn Th3:

8.1/. Bà Lý Thị Bạch H3 (vắng mặt)

Cư trú: đường T3, phường T4, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

8.2/. Ông Lý Công H4 (vắng mặt)

Cư trú: B Ln E CA 92026 USA.

8.3/. Bà Lý Thị Xuân M (vắng mặt)

Cư trú: ấp Đ, xã Th1, huyện T4, tỉnh Kiên Giang.

8.4/. Bà Lý Thị Băng T1 (vắng mặt)

Cư trú: khu phố Đ1, thị trấn T4, tỉnh Kiên Giang.

8.5/. Ông Lý Kỳ Tr (vắng mặt)

Cư trú: đường C, khóm M4, phường M5, thành phố L, tỉnh An Giang.

9/. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Kỉnh Kh2:

9.1/. Ông Lý Duy D1 (vắng mặt)

Cư trú: đường Ng3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

9.2/. Ông Lý Duy Đ (vắng mặt)

Cư trú: ấp L1, xã L2, huyện Ch, tỉnh An Giang.

9.3/. Bà Lý Thị Thanh M (vắng mặt)

Cư trú: đường Ng4, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh An Giang.

9.4/. Ông Lý Duy L1 (vắng mặt)

Cư trú: đường Ng5, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Hồng H.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H do ông Nguyễn Hồng V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà H và ông Lý Ngọc Đ chung sống với nhau từ năm 1978, không đăng ký kết hôn, ông Đ và Bà H có một người con chung tên Lý Ngọc Th, sinh năm 1981, hiện nay đang định cư tại Australia, ông Đ chết năm 1996 không để lại di chúc. Quá trình chung sống thì Bà H, ông Đ không tạo lập được tài sản gì, nhưng khi ông Đ còn sống được cha mẹ là cụ Lý Văn C và Đỗ Thị Ng cho tài sản là phần đất theo kết quả đo đạc là 4.098m^2, một căn nhà phủ thờ trên đất và một số cây trồng bằng tờ di chúc năm 1969. Ông Đ quản lý phần đất này từ sau ngày giải phóng thống nhất đất nước, đến ngày 06/02/1991 thì ông Đ có đăng ký kê khai phần nhà đất trên. Bà H chung sống với ông Đ trên phần đất này từ năm 1980 đến năm 1990 thì trở về Thành phố Hồ Chí Minh mua bán, nhưng vẫn đi về và sống chung với ông Đ cho đến khi ông Đ chết.

Trước đây Bà H khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung đối với phần đất 3.843m^2, nay Bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất là 3.843m^2 trong tổng số 4.098m^2; (Không yêu cầu chia căn nhà phủ thờ, phần đất 238,2m^2 và phần đất mồ mã), yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02186aA ngày 08/11/2006, diện tích 990,9m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lý Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Mỹ Th.

Lúc trước Bà H có yêu cầu định giá lại đối với tài sản tranh chấp, Tòa án đã có tiến hành định giá lại vào ngày 18/5/2017, Bà H thống nhất với giá trị đất Hội đồng định giá đã định.

Tại phiên tòa ông V đại diện nguyên đơn trình bày: Trong phần đất 990,9m^2 ông Kh, bà Th đã được cấp quyền sử dụng đất thì chỉ có 238,2m^2 đất là di sản thờ cúng Bà H, không yêu cầu chia, còn lại 752,7m^2 là của ông Đ được thừa hưởng từ ông bà, trước đây Bà H yêu cầu chia phần đất 752,7m^2 cùng với phần đất 3.090.8m^2 (3.108m^2 – 17,2m^2 đất mồ mã), tổng cộng là 3.843m^2. Nay nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia phần đất 752,7m^2, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 990,9m^2 tên ông Kh, bà Th, chỉ yêu cầu chia phần đất 3.090,8m^2, yêu cầu được nhận giá trị, không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản tranh chấp.

Bị đơn ông Lý Ngọc Kh trình bày:

Cha ông tên Lý Ngọc Đ (chết năm 1996), mẹ tên Trần Thị M (chết năm 2013), cha mẹ kết hôn năm 1958, cha mẹ ông chỉ có một người con chung là tôi Lý Ngọc Kh, năm 1973 cha mẹ đã ly hôn theo Quyết định 34 ngày 17/5/1973 của Tòa án nhân dân khu phố H – TP Hà Nội. Sau khi ly hôn với mẹ thì ông Đ không chung sống với bà Nguyễn Ngọc H vì hai người không chung sống chung một nhà, nhưng Bà H và ông Đ có một con chung tên Lý Ngọc Th, Bà H cũng không về sống với ông Đ tại nhà và đất ở phường B5, thành phố L.

Đối với phần đất 4.098m^2 và một căn nhà phủ thờ trên đất có nguồn gốc là của ông bà nội ông là Lý Văn C và Đỗ Thị Ng để lại, ông bà nội có tất cả 9 người con gồm: Lý Văn Th2 (chết), Lý Thị T (chết), Lý Văn D (chết), Lý Văn Th3 (chết), Lý Kim Ch (chết, không có vợ, con) Lý Thị Đ (chết, không có chồng con), Lý Hồng M (chết, có vợ, không có con), cha ông là Lý Ngọc Đ và Lý Kỉnh Kh2 (chết).

Khi ông bà nội còn sống vào năm 1958 thì có cho ông Đ 10ha đất ruộng phường M4, TP L, nhưng do vào thời điểm đó cha ông đi kháng chiến không trực canh nên đã bị chính quyền cũ truất hữu; còn phần đất 4.098m^2 và căn nhà phủ thờ trên đất thì ông bà nội không cho ai mà giao cho cha ông quản lý làm đất hương hỏa, nhà thì làm phủ thờ. Đến năm 1969 ông nội tiếp tục cho ông Đ 13ha đất tọa lạc tại xã Th, thành phố Cần Thơ và tiếp tục giao cho cha ông quản lý phần đất hương hỏa và căn nhà phủ thờ tại phường B5, Thành phố L, ông bà nội có lời dặn cha ông không được cầm cố, sang nhượng cho ai, phải truyền tử lưu tôn, đời đời làm phủ thờ. Sau khi thống nhất đất nước cha và ông về phần đất trên sinh sống và quản lý phần đất hương hỏa, căn nhà phủ thờ trên đất.

Trong quá trình quản lý năm 1992 thì cha ông và các bác, cô, chú có làm bản xác nhận giao cho cha phần đất và căn nhà phủ thờ trên đất tại phường B5 để cha ông có trách nhiệm, bổ phận với tổ tiên, ông bà; cha ông phải giữ gìn, bảo quản ngôi nhà, đất đai, …, không được bán cho ai, trước khi qua đời thì chỉ được phép giao cho con trai là ông Lý Ngọc Kh, còn Lý Ngọc Th thì chỉ được phép ở trong căn nhà cùng ông gìn giữ, nhà cửa, đất đai ông bà để lại chứ không được phép thừa hưởng, các bác các chú có lời dặn với ông là trước khi qua đời hãy chọn một đứa con có đạo đức, lễ nghĩa, …có trách nhiệm gìn giữ từ đường.

Năm 2006 thì nhà nước có chủ trương cấp đất đại trà, ông là người đang trực tiếp quản lý nhà đất phủ thờ, được sự đồng ý của họ tộc tôi đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất diện tích 990,9m^2 mang tên ông và bà Th, phần đất còn lại thì chưa được cấp quyền sử dụng, tuy nhiên phần đất 990,9m^2 không phải là của vợ chồng ông mà là đất phủ thờ của họ tộc. Nay trước yêu cầu của Bà H yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 3.843m^2 thì ông không đồng ý vì phần đất này không phải là di sản của ông Đ để lại mà đất hương hỏa của tổ tiên, ông bà để lại cho tất cả con cháu từ đời này sang đời khác. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bà Th thì đất đã được nhà nước cấp đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu này của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Th: Thống nhất ý kiến trình bày của ông Kh, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Lý Ngọc Th do ông Nguyễn Hồng V đại diện trình bày:

Ông Lý Ngọc Th yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lý Ngọc Đ để lại là 3.843m^2 giá trị ước tính khoảng 600.000.000đồng, yêu cầu chia làm 3 kỷ phần bằng nhau, phần ông Th được chia ước tính khoảng 200.000.000đồng. Không yêu cầu chia căn nhà phủ thờ, phần đất 238,2m^2 và phần đất mồ mã.

Tại phiên tòa ông V trình bày: Ông Th cũng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 3.090.8m^2, yêu cầu được nhận giá trị.

Lời trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

Bà Lý Thị Lan Th2, bà Lý Thị Thanh H1 (BL 552, 553) trình bày:

Căn cứ vào di chúc của ông nội các bà là Lý Văn C, Đỗ Thị Ng lập ngày 15/8/1969 giao cho chú là Lý Ngọc Đ căn nhà và 13ha đất với lời dặn không được cầm cố hoặc bán cho ai, phải để truyền tử lưu tôn, đời đời làm phủ thờ. Ngày 18/02/1992 ba các bà là Lý Văn D và các bác, các chú lập biên bản xác nhận, theo đó ông Lý Ngọc Đ phải có trách nhiệm nghiêm túc và bổn phận thiêng liêng với tổ tiên, ông bà, cha mẹ và anh em. Ông Đ chỉ được phép giao lại ngôi nhà cho Lý Ngọc Kh và lời căn dặn chọn đứa con ruột có tư cách đạo đức tốt, biết lễ nghĩa, có hiếu thảo để giao trách nhiệm gìn giữ từ đường của dòng họ Lý, căn nhà phủ thờ kèm đất đai là hương hỏa của dòng họ, Bà H không có đủ tư cách để hưởng bất cứ quyền lợi nào.

Ông Lý Kỳ Tr trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Bà H và ông Th vì phần đất 3.843m^2 mà hiện nay ông Lý Ngọc Kh đang quản lý và đứng tên quyền sử dụng không phải là tài sản của ông Đ để lại mà là của tổ tiên, ông bà để lại cho con cháu làm đất hương hỏa, nhà phủ thờ của dòng họ, ông Kh chỉ là người đại diện dòng họ quản lý phần tài sản của ông bà để lại.

Khoảng cách đây 1 năm thì do phần đất tranh chấp (Phần đất vườn chưa được cấp quyền sử dụng) bị trũng so với mặt đường nên ông Lý Ngọc Kh có bơm cát bồi đắp nền cao hơn mặt đường khoảng trên 1m, khối lượng cát bơm khoảng 5.000m^3. Hiện nay hiện trạng phần đất tranh chấp (Phía có căn nhà phủ thờ) do nằm sát với bờ sông hậu đã bị sạt lở, tuy chưa sạt lở đến phần đất tranh chấp nhưng nhà nước có yêu cầu gia đình di dời căn nhà vào phía trong, do tranh chấp nên chưa thực hiện được.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lý Công Kh1, Lý Thị Băng T1, Lý Thị Thanh Th3, Lý Thị Xuân M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Ngọc L, Lý Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Kim A, Lý Thị Thanh Th3, Lý Thị Hồng H cùng có văn bản trình bày (Từ BL 502 – 546):

Thống nhất với lời trình bày của ông Lý Ngọc Kh, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất 3.843m^2 mà hiện nay ông Lý Ngọc Kh đang quản lý và đứng tên quyền sử dụng không phải là tài sản của ông Đ để lại mà là của tổ tiên, ông bà để lại cho con cháu làm đất hương hỏa, nhà phủ thờ của dòng họ.

Ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Kh, căn nhà của

ông cất trên đất tranh chấp là do ông Kh cho cất đã lâu, nay các bên tranh chấp ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Ông Lý Duy D1 trình bày: Tài sản tranh chấp là của ông bà nội Lý Văn C và Đỗ Thị Ng có di chúc để lại làm di sản thờ cúng, không phải là tài sản riêng của ông Đ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ông Lý Duy T, ông Lý Công H4: Tòa án đã có văn bản ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T, ông H4 vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với việc không yêu cầu chia thừa kế phần đất 752,7m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số H.02186aA ngày 08/11/2006, diện tích 990,9m^2, thửa đất 48, tờ bản đồ số 64, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lý Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Mỹ Th.

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Lý Ngọc Th đối với việc không yêu cầu chia thừa kế phần đất 752,7m^2.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc Th.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Ngọc Đ gồm: Bà Nguyễn Ngọc H, ông Lý Ngọc Th và ông Lý Ngọc Kh.

Xác định di sản thừa kế của ông Lý Ngọc Đ để lại là phần đất có diện tích 3.090.8m^2 (Đã trừ phần đất mồ mã 17,2m^2), có giá trị là 488.346.400đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng), được chia làm 03 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần được hưởng 162.782.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

[3] Ông Lý Ngọc Kh được quyền quản lý sử dụng phần đất 3.108m^2 tại các điểm 6, 7, 48, 45, 44, 65, 33, 32, 29, 22, 17, 14, 13, 12, 10 (Có cả phần đất mồ mã) theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 16/9/2011 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài Nguyên Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

Ông Lý Ngọc Kh có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng phần đất 3.108m^2 theo quy định của pháp luật.

[4] Buộc ông Lý Ngọc Kh có trách nhiệm hoàn kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác gồm:

- Bà Nguyễn Ngọc H số tiền 162.782.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Ông Lý Ngọc Th số tiền 162.782.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2018, bị đơn ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Hồng H có đơn kháng cáo.

Ngày 19/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định kháng nghị số 3920/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lý Thị Hồng H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất thổ vườn của 3.843m^2 là tài sản ông Lý Ngọc Đ được tặng cho riêng, không phải di sản dùng vào việc thờ cúng và chia thừa kế di sản ông Đ để lại là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, bà Lý Thị Hồng H và Quyết định kháng nghị số 3920/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý Thị Hồng H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lý Thị Hồng H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối

với phần diện tích đất 3.090,8m^2 Bà H cho rằng là di sản của ông Lý Ngọc Đ chết để lại; đối với phần diện tích đất 752,7m^2 đất mồ mả và phần 990,09m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Ngọc Kh thì Bà H không yêu cầu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc Th cũng có yêu cầu độc lập đề nghị chia thừa kế đối với diện tích đất 3.090,8m^2 nêu trên.

Bị đơn ông Lý Ngọc Kh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do phần diện tích đất trên do ông bà để lại làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; không phải di sản thừa kế do ông Đ để lại.

[2.2] Các bên đương sự đều thống nhất xác định diện tích đất Bà H, ông Th yêu cầu chia thừa kế nằm trong tổng diện tích đất 4.098m^2 có nguồn gốc do cụ Lý Văn Ph, cụ Lê Thị T tạo lập. Cụ Lý Văn Ph, cụ Lê Thị T có 06 người con; trong đó, có cụ Lý Văn C. Năm 1924, cụ Ph, cụ T lập "Tờ chúc ngôn" chia tài sản cho các con, trong đó cụ Lý Văn C (sinh năm 1887) được chia 02 căn nhà và đất tại làng B5, L (nay là phường B5, thành phố L, tỉnh An Giang).

Cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng có 09 người con, gồm Lý Văn Th2, Lý Thị T, Lý Văn D, Lý Văn Th3, Lý Kim Ch, Lý Thị Đ, Lý Hồng M, Lý Kỉnh Kh2 và Lý Ngọc Đ. Năm 1958, cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng lập "Tờ di chúc" chia tài sản cho các con, trong đó ông Lý Ngọc Đ *"được chia phân đất ruộng tại xã M4, 01 căn nhà ngói và một miếng đất vườn chung quanh nhà"*. Năm 1965, cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng tiếp tục lập "Tờ di chúc" để di chúc *"căn nhà ngói ba căn hai chái, vách ván, lót ván và tất cả đồ nội tâm để lại cho con Lý Ngọc Đ dùng để làm phủ thờ không được cầm cố, bán cho ai"*.

Ngày 23/7/1969, cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng lập "Tờ di chúc" chia tài sản là đất ruộng cho các con. Ngày 15/8/1969, cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng tiếp tục lập "Tờ di chúc" chia tài sản còn lại cho các con, trong đó ông Lý Ngọc Đ được chia *"một căn nhà ngói ba căn hai chái, vách ván, lót ván và tất cả đồ nội tâm, một sở đất ruộng tại xã Th và một miếng vườn tọa lạc tại đất công điền xã B5, phía sau nhà vườn nổi trên với lời dặn căn nhà không cầm cố, bán cho ai phải để truyền tử, lưu tôn đời đời làm phủ thờ"* và có vẽ bản đo sơ lược nhà và đất vườn.

Theo nội dung Tờ di chúc của cụ C, cụ Ng nêu trên thì ông Đ được cha mẹ di chúc để lại cho căn nhà ngói và miếng vườn cùng tọa lạc tại đất công điền xã B5 để làm phủ thờ với lời căn dặn truyền tử, lưu tôn đời đời làm phủ thờ. Việc cụ C, cụ Ng di chúc để lại nhà đất cho ông Đ làm nơi thờ cúng được tất cả những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, cụ Ng gồm các ông, bà Lý Văn Th2, Lý Thị T, Lý Văn D, Lý Văn Thuận, Lý Kim Ch, Lý Thị Đ, Lý Hồng M, Lý Ngọc Đ, Lý Kỉnh Kh2 xác nhận và thống nhất như ý nguyện của cha mẹ, giao cho ông Đ quản lý, làm nơi thờ cúng; thể hiện tại Biên bản xác nhận năm 1992: "*...Điều II. Riêng Ngôi nhà (nay là phủ từ đường, mang số 1407/71, tổ 17, khóm B4, phường B5, thị xã L, An Giang, cha, mẹ tôi để lại cho người con trai mang tên Lý Ngọc Đ là cán bộ tập kết, lúc ấy công tác tại Đài tiếng nói Việt Nam, Hà Nội, sau giải phóng 1975 công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh và nay là cán bộ nghỉ hưu.... Điều III. Tất cả anh em chúng tôi đã kê khai tên họ ở phần trên, đủ trai hay gái dứt khoát không được tranh chấp hay đòi hỏi chia ngôi nhà nói ở điều 2, cũng như đất đai, tài sản, đồ đạc.... "*.

Do đây là di sản cha mẹ để lại cho ông Đ để sử dụng vào việc thờ cúng, lưu truyền từ đời này qua đời khác nên không phải là tài sản riêng của ông Đ. Bà H, anh Thành yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất vườn là di sản ông Đ để lại là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ngoài phần đất 238,2m^2 là di sản thờ cúng thì phần diện tích 3.843m^2 ông Đ thừa hưởng từ cha mẹ là tài sản riêng của ông Đ, không phải di sản dùng vào việc thờ cúng; từ đó chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Ngọc H và anh Lê Ngọc Th.

Xét thấy, phần diện tích nhà thờ và đất vườn từ trước đến nay liền thửa, thống nhất. Theo nội dung Tờ di chúc ngày 15/8/1969 của cụ Lý Văn C, cụ Đỗ Thị Ng thì cụ C, cụ Ng giao cả phần nhà và đất vườn cho ông Đ quản lý làm nơi thờ tự, truyền tử; kèm theo di chúc là có vẽ bản đo sơ lược nhà và đất vườn. Như vậy, về ý chí của cụ C, cụ Ng khi lập di chúc là để lại toàn bộ phần nhà và đất vườn làm nơi thờ cúng, truyền từ đời này qua đời khác. Tòa sơ thẩm chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất vườn là không có cơ sở, không phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và kháng cáo của ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H, ông Lý Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

Bị đơn ông Lý Ngọc Kh không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Huệ phải chịu chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định, ủy thác tư pháp tổng cộng 12.889.000 đồng. Bà H đã thực hiện xong tại cấp sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th, bà Lý Thị Hồng H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 624, 645 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lý Thị Hồng H.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lý Ngọc Kh, bà Nguyễn Thị Mỹ Th và Quyết định kháng nghị số 3920/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với việc yêu cầu chia thừa kế phần đất 752,7m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số H.02186aA ngày 08/11/2006, diện tích 990,9m^2, thửa đất 48, tờ bản đồ số 64, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lý Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Mỹ Th.

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Lý Ngọc Th đối với việc yêu cầu chia thừa kế phần đất 752,7m^2.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc Th đối với phần đất 3.108m^2 tại các điểm 6, 7, 48, 45, 44, 65, 33, 32, 29, 22, 17, 14, 13, 12, 10 theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 16/9/2011 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài Nguyên Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ 14.000.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số 008762 ngày 26/12/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Bà H được nhận lại 13.700.000 đồng.

Ông Lý Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ 5.000.000 đồng tạm ứng án phí ông Lý Ngọc Th đã nộp theo biên lai thu số 0009536 ngày 24/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; ông Th được nhận lại 4.700.000 đồng.

Bị đơn ông Lý Ngọc Kh không phải chịu.

- Bà Nguyễn Thị Huệ phải chịu chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định, ủy thác tư pháp tổng cộng 12.889.000 đồng. Bà H đã thực hiện xong tại cấp sơ thẩm.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012398 ngày 08/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Hoàn lại cho ông Lý Ngọc Kh 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012399 ngày 08/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Hoàn lại cho bà Lý Thị Hồng H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001240 ngày 08/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HSM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (34);
- Lưu VP(3), HS(2).44b.TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy